

Bản án: 56/2019/HS-ST

Ngày: 25/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trâm Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Trọng Bình

Ông Nguyễn Vạn Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện VKSND Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Lê Quốc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2019, đối với bị cáo:

Trần Văn M, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1966; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C và bà Ngô Thị L (chết); có vợ: Nguyễn Thị L và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa từ ngày 08/3/2019; (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960; trú tại: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

2. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1963; trú tại: 87/31 Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

3. Ông Huỳnh Hòa K, sinh năm 1974; trú tại: 151 Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

4. Công ty TNHH Z

Trụ sở: 43/4 Ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Huỳnh Tấn Phát, sinh năm 1979; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8/2017, Trần Văn M có gặp và làm quen với đối tượng tên Thái (chưa rõ lai lịch) tại quán cà phê Đà Lạt Phố ở Quận 6, Thái giới thiệu làm nghề mua, bán nhà đất và rủ M tham gia. Trong thời gian này, do không có tiền tiêu xài, M có mượn Thái số tiền 2.000.000 đồng. Đến đầu tháng 10/2017, Thái nói M giả danh những người đứng tên chủ quyền nhà, đất để ký hợp đồng ủy quyền hoặc chuyển nhượng cho người khác với mục đích để Thái lấy tiền của người được ủy quyền, chuyển nhượng, khi xong việc Thái sẽ trừ tiền nợ cho M và cho thêm tiền nếu M đồng ý. Để thuận tiện cho công việc, Thái dẫn M đi chụp hình thẻ để sử dụng làm giấy chứng minh nhân dân giả mang tên Nguyễn Văn H nhưng hình ảnh của M. Ngày 10/10/2017, M và Thái đến Văn phòng công chứng Nguyễn Cảnh số 04 Trần Quang Diệu, Phường 13, Quận 3, tại đây M sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả mạo danh Nguyễn Văn H ký Hợp đồng ủy quyền số 006246, nội dung ủy quyền cho ông Huỳnh Hòa K được quyền quản lý, sử dụng, chuyển nhượng, tặng cho và các quyền khác đối với một phần các thửa đất số 677-1; 678-1; 679-1 và thửa đất số 678-2, tờ bản đồ số 9, tại địa chỉ ấp B, xã C, huyện D, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 224202 do ông Nguyễn Văn H đứng tên chủ sở hữu. Sau khi hợp đồng được công chứng, Thái giữ toàn bộ hồ sơ và cùng M ra về, M có hỏi về tiền công thì Thái nói còn phải ký một hợp đồng nữa mới có tiền nhưng sau đó M biết được Thái đã mượn của Khánh 70.000.000 đồng nên mới nhờ M giả danh Hữu ký hợp đồng chuyển nhượng các thửa đất tại ấp An Bình để thế chấp. Với phương thức và thủ đoạn tương tự, khoảng 10 giờ ngày 28/12/2017, Thái và M tiếp tục đến Văn phòng công chứng Nguyễn Cảnh để ký hợp đồng hủy bỏ hợp đồng ủy quyền số 006246 đã ký với ông Huỳnh Hòa K ngày 10/10/2017, đồng thời ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các thửa đất ở ấp B, xã C, huyện D cho ông Phạm Văn T với giá trị chuyển nhượng là 400.000.000 đồng. Khi Trần Văn M, Huỳnh Hòa K và Phạm Văn T đã thực hiện xong việc ký kết các hợp đồng chờ công chứng thì anh Lê Anh Tuấn là công chứng viên phát hiện một số giấy tờ M sử dụng có dấu hiệu làm giả nên báo Công an Phường 13, Quận 3 đến thu giữ toàn bộ vật chứng gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 sổ hộ khẩu; 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; 01 tờ khai lệ phí trước bạ; 01 bản đồ hiện trạng vị trí thửa đất và 03 hợp đồng công chứng đều ghi tên Nguyễn Văn H và lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3 xử lý, riêng đối tượng Thái khi phát hiện lực lượng Công an đến đã bỏ đi.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận 3, xác định hành vi của Trần Văn M đã cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” nên đã khởi tố bị can, bắt tạm giam đối với Trần Văn M để điều tra, xử lý. Do bị cáo bỏ trốn nên Cơ quan điều tra ra quyết định truy nã, đến ngày 08/3/2019 thì bắt được. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận 3, Trần Văn M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản kết luận giám định số 212/KLGD-TT ngày 23/02/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Bản in giấy chứng minh nhân dân số 022365599, họ tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1960, đề ngày 20/7/2015 (ký hiệu A1) được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

Tại bản kết luận giám định 1160/KLGD-TT ngày 07/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Dấu vân tay, chữ viết, chữ ký tên Nguyễn Văn H tại hợp đồng ủy quyền số 006246 ngày 10/10/2017 và chữ viết, chữ ký

tại hợp đồng hủy bỏ hợp đồng ủy quyền, không số, đề ngày 28/12/2017; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, không số, đề ngày 28/12/2017 là của Trần Văn M.

Tại bản kết luận giám định bổ sung số 506/KLGD-TT ngày 09/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 216/UBND-XNTTHN, xác nhận Nguyễn Văn H, sinh năm 1960, tình trạng hôn nhân: chưa đăng ký kết hôn với ai, đề ngày 12/6/2017 (ký hiệu A4) là giả, do có hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D XÃ TRUNG AN H.CỦ CHI TP.HỒ CHÍ MINH” và chữ ký mang tên Lê Trí Dũng không phải do cùng một con dấu đóng ra và một người ký ra so với các mẫu so sánh.

Vật chứng của vụ án: 01 giấy chứng minh nhân dân số 022365599, tên Nguyễn Văn H, do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/7/2015; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V224202 cấp ngày 10/5/2002, do Ủy ban nhân dân huyện D cấp; 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 216/UBND-XNTTHN ngày 12/6/2017, do Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện D; 01 sổ hộ khẩu số 130018388, do Công an huyện D cấp ngày 17/3/1997; 01 tờ khai nộp tiền sử dụng đất do Chi cục thuế huyện D phát hành ngày 15/5/2002; 01 hợp đồng ủy quyền số 006246/HĐUQ ngày 10/10/2017 lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Cảnh; 01 hợp đồng hủy bỏ hợp đồng ủy quyền giữa Nguyễn Văn H với Huỳnh Hòa K và 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Nguyễn Văn H với Phạm Văn T đều không số, ngày 28/12/2017. Toàn bộ vật chứng được lưu theo hồ sơ của vụ án.

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKS-HS ngày 27/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đã truy tố bị cáo Trần Văn M về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, Phạm Văn T, Huỳnh Hòa K và ông Huỳnh Tấn Phát là đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Z vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù giam; tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 giấy chứng minh nhân dân số 022365599, tên Nguyễn Văn H, do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/7/2015; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V224202 cấp ngày 10/5/2002, do Ủy ban nhân dân huyện D cấp; 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 216/UBND-XNTTHN ngày 12/6/2017, do Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện D; 01 sổ hộ khẩu số 130018388, do Công an huyện D cấp ngày 17/3/1997; 01 tờ khai nộp tiền sử dụng đất do Chi cục thuế huyện D phát hành ngày 15/5/2002; 01 hợp đồng ủy quyền số 006246/HĐUQ ngày 10/10/2017 lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Cảnh; 01 hợp đồng hủy bỏ hợp đồng ủy quyền giữa Nguyễn Văn H với Huỳnh Hòa K và 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Nguyễn Văn H với Phạm Văn T đều không số, ngày 28/12/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với nội dung Biên bản tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm do Công an Phường 13, Quận 3 lập ngày 28/12/2017 (BL 48); phù hợp với nội dung Biên bản bắt người đang bị truy nã do Công an xã C, huyện D lập ngày 08/3/2019 (BL 33-34); phù hợp nội dung các lời khai của nhân chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận như sau: Ngày 10/10/2017 và ngày 28/12/2017 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Cảnh số 04 Trần Quang Diệu, Phường 13, Quận 3, M và đối tượng Thái sử dụng giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn H đã làm giả trước đó để ký với ông Huỳnh Hòa K hợp đồng ủy quyền số 006246 đề ngày 10/10/2017, hợp đồng hủy bỏ hợp đồng ủy quyền số 006246 đã ký ngày 10/10/2017, đồng thời ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các thửa đất ở ấp B, xã C, huyện D cho ông Phạm Văn T với giá trị chuyển nhượng là 400.000.000 đồng. Khi Trần Văn M, Huỳnh Hòa K và Phạm Văn T đã thực hiện xong việc ký kết các hợp đồng chờ công chứng thì anh Lê Anh Tuấn là công chứng viên phát hiện một số giấy tờ M sử dụng có dấu hiệu làm giả nên báo Công an Phường 13, Quận 3 đến thu giữ toàn bộ vật chứng và lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3 xử lý, riêng đối tượng Thái khi phát hiện lực lượng Công an đến đã bỏ đi.

[2] Xét, bị cáo là người đã thành niên biết rõ hành vi cung cấp hình ảnh của mình cho đối tượng Thái để làm giả giấy chứng minh nhân dân và sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả này để giả mạo ông Nguyễn Văn H thực hiện ký kết các hợp đồng ủy quyền, hủy bỏ hợp đồng ủy quyền và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là sai trái, vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham nên vẫn bất chấp xem thường sự trừng trị của pháp luật cố ý thực hiện việc phạm tội. Hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đồng thời làm xấu đi tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[3] Căn cứ từ các yếu tố nêu trên, đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo đã cung cấp hình ảnh của mình để làm giả giấy chứng minh nhân dân và sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả này để ký kết các hợp đồng ủy quyền, hủy bỏ hợp đồng ủy quyền và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trái pháp luật là đã phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[4] Ngày 10/10/2017 và ngày 28/12/2017, tại Văn phòng công chứng Nguyễn Cảnh số 04 Trần Quang Diệu, Phường 13, Quận 3, bị cáo đã sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả để ký kết các hợp đồng ủy quyền, hủy bỏ hợp đồng ủy quyền và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trái pháp luật thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên là tình tiết định khung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[5] Trong vụ án này, bị cáo và đối tượng Thái không có sự bàn bạc trước, không có sự câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự quy định về xử phạt trong trường hợp có đồng phạm để xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

[6] Tuy nhiên cũng xét, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn, hối lỗi nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Từ những cơ sở trên, nghĩ cần căn cứ Điều 50 Bộ luật Hình sự quy định về căn cứ quyết định hình phạt, Điều 38 Bộ luật Hình sự quy định về tù có thời hạn; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự; áp dụng Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự quy định về xử phạt trong trường hợp có đồng phạm; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để quyết định một hình phạt tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo.

[8] Vật chứng của vụ án: 01 giấy chứng minh nhân dân số 022365599, tên Nguyễn Văn H, do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/7/2015; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V224202 cấp ngày 10/5/2002, do Ủy ban nhân dân huyện D cấp; 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 216/UBND-XNTTHN ngày 12/6/2017, do Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện D; 01 sổ hộ khẩu số 130018388, do Công an huyện D cấp ngày 17/3/1997; 01 tờ khai nộp tiền sử dụng đất do Chi cục thuế huyện D phát hành ngày 15/5/2002; 01 hợp đồng ủy quyền số 006246/HĐUQ ngày 10/10/2017 lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Cảnh; 01 hợp đồng hủy bỏ hợp đồng ủy quyền giữa Nguyễn Văn H với Huỳnh Hòa K và 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Nguyễn Văn H với Phạm Văn T đều không số, ngày 28/12/2017 là tài liệu hồ sơ vụ án nghĩ nên tiếp tục lưu theo hồ sơ của vụ án.

[9] Đối với đối tượng Thái do chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục truy xét khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[10] Đối với Huỳnh Hòa K và Phạm Văn T do không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm trong vụ án nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tại phiên tòa là phù hợp tính chất, mức độ phạm tội, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, nghĩ nên chấp nhận.

[12] Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 341; Điều 17 và Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Trần Văn M.

Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 331, 333, 336 và Điều 337 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tuyên bị cáo Trần Văn M đã phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt: Trần Văn M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 08/3/2019.

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án: 01 giấy chứng minh nhân dân số 022365599, tên Nguyễn Văn H, do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/7/2015; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V224202 cấp ngày 10/5/2002, do Ủy ban nhân dân huyện D cấp; 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 216/UBND-XNTTHN ngày 12/6/2017, do Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện D; 01 sổ hộ khẩu số 130018388, do Công an huyện D cấp ngày 17/3/1997; 01 tờ khai nộp tiền sử dụng đất do Chi cục thuế huyện D phát hành ngày 15/5/2002; 01 hợp đồng ủy quyền số 006246/HĐUQ ngày 10/10/2017 lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Cảnh; 01 hợp đồng hủy bỏ hợp đồng ủy quyền giữa Nguyễn Văn H với Huỳnh Hòa K và 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Nguyễn Văn H với Phạm Văn T đều không số, ngày 28/12/2017.

Buộc bị cáo chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- Công an quận 3;
- Nhà tạm giữ CAQ3;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q3;
- UBND xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...)

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Kiệt

Căn cứ các Điều 331, 333, 336 và Điều 337 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tuyên bị cáo Trần Văn M đã phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt: Trần Văn M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 08/3/2019.

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án: 01 giấy chứng minh nhân dân số 022365599, tên Nguyễn Văn H, do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/7/2015; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V224202 cấp ngày 10/5/2002, do Ủy ban nhân dân huyện D cấp; 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 216/UBND-XNTTHN ngày 12/6/2017, do Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện D; 01 sổ hộ khẩu số 130018388, do Công an huyện D cấp ngày 17/3/1997; 01 tờ khai nộp tiền sử dụng đất do Chi cục thuế huyện D phát hành ngày 15/5/2002; 01 hợp đồng ủy quyền số 006246/HĐUQ ngày 10/10/2017 lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Cảnh; 01 hợp đồng hủy bỏ hợp đồng ủy quyền giữa Nguyễn Văn H với Huỳnh Hòa K và 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Nguyễn Văn H với Phạm Văn T đều không số, ngày 28/12/2017.

Buộc bị cáo chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Lương Trọng Bình

Nguyễn Vạn Phúc

Trần Tuấn Kiệt